TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀNỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 338/2018/HSPT
Ngày: 29/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Minh;

Ông Điều Văn Hằng;

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Dịu, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2018/TLPT-HS ngày 15 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị Th cùng đồng phạm phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 66/2017/HSST ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Nguyễn Thị Th, sinh năm 1964; trú tại: Thôn Ấp Đ, xã Đại Đ1, huyện Tam Đ2, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hoá: Lớp 10/10; con ông Nguyễn Văn N (là liệt sỹ trong kháng chiến chống Mỹ) và bà Nguyễn Thị Ngh (đã chết); chồng Trần Văn B (đã chết) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/3/2017 đến ngày 04/8/2017 được tại ngoại; có mặt.

2. Trần Minh Ng, sinh năm 1956; trú tại: Thôn Ấp Đ, xã Đại Đ1, huyện Tam Đ2, Tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 9/10; dân tộc: Sán Dìu; con ông Trần Văn Đ3 (đã chết) và bà Lâm Thị L; có vợ là Trần Thị V và có 3 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/01/2017 đến ngày 24/01/2017 được tại ngoại; có mặt.

3. Lê Thị Thanh V1, sinh năm 1987; trú tại: Thôn Yên Ch, xã Tam Q, huyện Tam Đ2, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Khi phạm tội là cán bộ Ban quản lý dự án xây dựng và giải phóng mặt bằng huyện Tam Đ2; trình độ văn hoá: Lớp

12/12; con ông Lê Văn Q1 và bà Bùi Thị H; có chồng là Lê Anh T và có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

**** Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị Th và Lê Thị Thanh V1:*** Luật sư Hà Trọng Th1- Văn phòng luật sư Hà Trọng Th1 và cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại Quyết định số: 3196/QĐ-UBND ngày 25/9/2009 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Vĩnh Phúc "V/v Thu hồi đất để UBND huyện Tam Đ2, lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa lễ hội Tây Thiên tại xã Đại Đ1, huyện Tam Đ2". Thực hiện phương án thu hồi đất giai đoạn 2, ngày 01/11/2015 Hội đồng bồi thường- Hỗ trợ tái định cư (viết tắt HĐBT) đã thông báo Kế hoạch số 155/KH-UBND và Thông báo số 161/TB-UBND cùng ngày 30/10/2015 của UBND huyện Tam Đ2, về việc tiếp tục thu hồi đất và công tác kiểm kê, hỗ trợ bồi thường, tái định cư chi tiết đến hộ gia đình. Trong đó, yêu cầu tất cả các hộ có đất bị thu hồi, kể từ thời điểm nhận thông báo không được tạo lập mới tài sản, cây cối trên đất, các hộ dân có đất bị thu hồi đều dự họp và ký nhận thông báo. Theo yêu cầu, HĐBT đã thông báo và phô tô Bảng giá bồi thường đối với tài sản, vật kiến trúc, cây cối theo Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014; Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn giá bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, giao cho các Trưởng thôn dân cư phổ biến và niêm yết tại khu dân cư để nhân dân được biết.

Nhận thấy, giá bồi thường đối với cây nhãn khung giá áp dụng bồi thường là 100.000đ/01 cây, cao hơn rất nhiều so với giá trị thực tế mua và trồng mới tại thời điểm đó; đối với tài sản khác cũng có giá trị bồi thường cao. Do đó, một số hộ dân đã tự ý tạo lập trái quy định, bằng cách trồng mới một số lượng lớn cây nhãn, tạo lập mới đường nước tưới ngay sau khi nhận thông báo thu hồi để được kiểm kê, bồi thường; một số hộ sau khi đã kiểm kê, lên phương án bồi thường vẫn tiếp tục trồng mới cây nhãn, đường nước tưới rồi cấu kết với cán bộ kiểm kê của HĐBT để được kiểm kê lại và lập phương án bồi thường chiếm đoạt tiền bồi thường, gây thất thoát lớn đến ngân sách Nhà nước. Kết quả điều tra xác định được, số tiền đã được chi bồi thường trái quy định từ ngân sách Nhà nước là 5.170.181.000 đồng, đến nay đã thu hồi được 4.896.835.000 đồng. Trong đó, 180.150.000 đồng được các hộ nộp cho UBND huyện Tam Đ2; 4.716.685.000 đồng, được nộp cho Cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra đã Quyết định xử lý, giao

cho UBND huyện Tam Đ2 quản lý theo quy định. Cụ thể hành vi phạm tội của các bị cáo và người có liên quan như sau:

** Hành vi cố ý tạo lập mới tài sản sau khi đã nhận thông báo thu hồi đất và đã tiến hành kiểm kê tài sản để chiếm đoạt tiền bồi thường liên quan đến cá nhân hộ gia đình và cán bộ tổ kiểm kê thuộc HĐBT như sau:*

1. Hộ Trần Minh Ng: Tháng 11/2015 hộ gia đình Trần Minh Ng đã được nhận Thông báo thu hồi các thửa đất rừng số 410 + 136.4+ 11.9, thuộc tờ bản đồ thu hồi số 04, 05, diện tích 11.827,9m^2 tại khu Đồng Lừu (còn gọi là đồng Nóng, đồng Gò Lừu), thôn Ấp Đ, xã Đại Đ1. Ngày 27/4/2016, Tổ kiểm kê giúp việc HĐBT gồm: Trần Huy Q - Tổ phó, Đầu Thị B, Nguyễn Mạnh D và Lê Thị Thanh V1 là thành viên, có sự tham gia của Mai Văn H1 - Trưởng thôn Ấp Đ, tiến hành kiểm kê tài sản, cây cối trên diện tích 827.90m^2 đất rừng, cùng sự tham gia giám sát của Trần Minh Ng. Sau khi kết thúc kiểm kê tài sản, Tổ kiểm kê đã lập biên bản kiểm kê tài sản và diện tích đất thu hồi, thành viên tổ kiểm kê và Trần Minh Ng đã ký tên trong biên bản, không ai có ý kiến gì. Trên cơ sở kết quả kiểm kê, hộ Trần Minh Ng đã được lên phương án bồi thường và niêm yết công khai, tổng số 715.177.900 đồng, chưa tính giá bồi thường của cây Lim. Sau khi đã kiểm kê, khoảng từ 01 đến 02 tuần, Ng gọi điện cho Q và nói: Muốn mua thêm nhãn, ống nước về trồng và dải trên đất đã kiểm kê để được bồi thường, hẹn đến nhà H1 để bàn bạc được Q đồng ý, khoảng mấy ngày sau, Q, Ng gặp nhau ở nhà H1. Tại đây, Ng đặt vấn đề trồng thêm vài nghìn cây nhãn và nhờ Q kiểm kê lại, Q đồng ý và bảo cho góp tiền để mua nhãn và đưa cho Ng 10.000.000 đồng. Cả ba người là Q, Ng, H1 cùng thống nhất trồng mới cây nhãn và dải thêm đường ống nước trong tháng 5/2016. Đầu tháng 5/20l6, Ng đã hai lần mua của một người không rõ tên, địa chỉ, số lượng 5.700 cây nhãn về thuê người trồng hết khoảng 8.000đ/01 cây; mua và thuê lắp đặt trên diện tích rừng 3.010m ống nước có giá từ 8.000đ đến 10.000đ/m.

Ngày 01/6/2016 HĐBT tổ chức họp kết thúc quá trình niêm yết công khai phương án bồi thường. Tại buổi họp, Ng không nhất trí với phương án bồi thường đã niêm yết, yêu cầu được kiểm kê bổ sung tài sản. Nguyễn Hồng S, Tổ trưởng tổ kiểm kê HĐBT đã đồng ý giao cho Q và Đầu Thị B tiến hành kiểm kê lại. Ngay trong ngày 01/6/2016, Q và B đến thửa đất nhà Ng để tiến hành kiểm kê, nhưng B không tham gia kiểm đếm, chỉ có Q và Ng thực hiện việc kiểm đếm. Trong khi kiểm đếm, Ng và Q thống nhất số lượng kiểm đếm thực tế có 5.700 cây nhãn và hơn 2000m ống nước. Sau khi thống nhất số lượng, Q bảo Ng cho gửi thêm 1.000 cây nhãn được Ng đồng ý. Tuy nhiên khi Q đọc số liệu để B ghi trong tờ kiểm kê, số nhãn 6752 cây và ống nước là 2050m. Trên cơ sở kết quả kiểm kê bổ sung, HĐBT đã lập lại phương án bồi thường, bổ sung đối với hộ Trần Minh Ng, tổng số được bồi thường 1.506.888.900 đồng. Chênh lệch so với

phương án ban đầu số tiền là 791.711.000 đồng. Ngày 06/6/2016, HĐBT đã có Tờ trình số 63/TTr-HĐBT, kèm theo phương án bồi thường đề nghị UBND huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt được UBND huyện Tam Đ2 đã phê duyệt phương án bồi thường. Ngày 22/6/2016, Trần Minh Ng đã nhận đủ số tiền bồi thường 1.506.888.900 đồng, thể hiện tại phiếu chi số 09 của HĐBT. Sau khi nhận tiền bồi thường, Ng đưa lại cho Q tổng cộng số tiền là 183.000.000 đồng (trong đó 100.000.000 đồng từ số lượng nhãn nâng khống; 83.000.000 đồng là số nhãn Q góp 10.000.000 đồng để mua cây). Q chia cho H1 20.000.000 đồng; cho B và Lê Thị Thanh V1 cũng là thành viên Tổ kiểm kê của HĐBT mỗi người 5.000.000 đồng nhưng không nói cho B và V1 biết đó là tiền gì, còn lại Q sử dụng 153.000.000 đồng. Quá trình điều tra chứng minh được: B và V1 hoàn toàn không biết việc Q, Ng và H1 thỏa thuận, tạo lập trái phép cây Nhãn và ống nước để chiếm đoạt tiền bồi thường, vụ việc bị phát hiện B, V1 đã nộp lại mỗi người 5.000.000 đồng. Quá trình điều tra Q đã nộp lại 153.000.000 đồng; H1 nộp lại 20.000.000 đồng; Ng nộp lại 608.71 l.00 đồng.

2. Hộ Vũ Ngọc Th: Tương tự trên, hộ Vũ Ngọc Th đã nhận thông báo thu hồi thửa đất rừng số 35, tờ bản đồ thu hồi số 05, tại khu Đồng Lừu, thôn Ấp Đồn, xã Đại Đ1, tháng 11/2015. Ngày 08 và 09/3/2016, Tổ kiểm kê do Nguyễn Hồng S, Tổ trưởng, Nguyễn Trọng Q, Đầu Thị B, Nguyễn Mạnh D và Mai Văn H1 (Trưởng thôn) đã tiến hành kiểm kê toàn bộ tài sản đối với thửa đất rừng trên; đã lên phương án bồi thường và niêm yết công khai, có tổng giá trị bồi thường là 1.004.391.638 đồng. Sau khi kiểm kê khoảng 02 tuần, H1 đến gặp Th và nói, theo tiêu chuẩn, nhà mày đủ điều kiện được bồi thường một đường ống nước về rừng, nhà mày chưa có đường nước nào, tao với mày làm thêm một đường rồi lấy tiền bồi thường chia nhau được Th đồng ý. Sau đó Th và H1 cùng thống nhất thuê đường nước núi sinh hoạt của gia đình ông Trương Quang Ch1, sinh năm 1963, ở thôn Lõng S1, xã Đại Đ1, với giá 5.000.000 đồng và mua thêm ống về đấu nối từ nhà ông Ch1 đến thửa đất rừng của Th để yêu cầu kiểm kê lấy tiền bồi thường. Sau khi thống nhất, H1 gặp Trần Huy Q, Lê Thị Thanh V1 đề nghị kiểm kê hợp thức đường nước cho nhà Th để lấy tiền chia nhau được V1 và Q đồng ý; V1 còn góp chung 5.000.000 đồng để mua ống. H1 thỏa thuận tiền bồi thường, chia làm ba phần; Th một phần, còn hai phần trả tiền thuê đường nước; số còn lại H1, V1, Q chia nhau. Sau khi lắp đặt xong, Th đã đề nghị kiểm kê bổ sung đường nước, ngày 29/4/2016, Nguyễn Hồng S cùng với Trần Huy Q, trực tiếp đi kiểm kê và ghi vào biên bản 5000m ống nước. Khi kiểm kê, S hoàn toàn không biết đây là đường nước do H1, Q, V1 và Th đã thống nhất tạo lập trái phép sau buổi kiểm kê tài sản vào ngày 08/3/2016, nên vẫn tiến hành kiểm kê bình thường rồi giao cho cán bộ lấy xác nhận của Nguyễn Ngọc Q1, cán bộ địa

chính và Lại Hữu T1, Phó Chủ tịch xã Đại Đ1 vào biên bản và đưa cho D1 Thị N1 lập phương án bồi thường.

Ngày 03/6/2016, UBND huyện Tam Đ2 có Quyết định số 422 phê duyệt phương án, Vũ Ngọc Th được bồi thường tổng số 1.197.891.638 đồng, chênh lệch do tạo lập đường nước trái phép là 193.500.000 đồng, Th đã nhận đủ tổng số tiền được bồi thường trên. Số tiền 193.500.000 đồng, Th được chia 66.500.00 đồng; Q được 35.000.000 đồng, V1 được 40.000.000 đồng (cả 5.000.000 đồng tiền ứng mua ống), H1 được 48.000.000 đồng (cả tiền thuê đường nước của ông Ch1), H1 đưa cho S 4.000.000 đồng, nói là Th bồi dưỡng tổ kiểm kê, còn sử dụng 44.000.000 đồng. Quá trình điều tra Q, V1, H1, Th và S đã nộp 193.500.000 đồng cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả.

3. Hộ Nguyễn Thị Th: Tháng 11/2015, Nguyễn Thị Th đã nhận được Thông báo thu hồi thửa đất rừng số 46, tờ bản đồ thu hồi số 05, diện tích 8.847m^2, tại khu Đồng Lừu, thôn Ấp Đồn, xã Đại Đ1. Trong tháng 3/2016, Tổ kiểm kê gồm Nguyễn Hồng S, Trần Huy Q, Đầu Thị B, Khổng Văn D1 cùng Trưởng thôn là Mai Văn H1 đã tiến hành kiểm kê, kiểm đếm toàn bộ tài sản, vật kiến trúc, cây cối trên diện tích 8.847m^2 đất rừng bị thu hồi, đã lập phương án bồi thường và niêm yết công khai theo quy định. UBND huyện Tam Đ2 đã ban hành Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 18/5/2016, phê duyệt phương án bồi thường hộ Nguyễn Thị Th, số tiền bồi thường 537.109.250 đồng. Đầu tháng 5/2016, Nguyễn Thị Th đã tự ý mua và trồng mới 7.300 cây nhãn và 250 cây sấu; giá từ 7.000đ đến 15.000đ/cây (cả nhãn và sấu) nên không đồng ý nhận tiền bồi thường theo Quyết định phê duyệt của UBND huyện Tam Đ2 và yêu cầu kiểm kê bổ sung tài sản. Th đã đặt vấn đề nhờ V1 kiểm kê bổ sung số tài sản này và hứa cho V1 số tiền tương đương trị giá 1000 cây nhãn; V1 đồng ý và trao đổi lại với Q để cùng thực hiện được Q nhất trí. Trong thời điểm này, H1, Q và V1 nhờ Th cho tạo lập thêm một đường nước trên thửa đất của Th để kiểm kê cùng được Th đồng ý. H1 đã nhờ Th mua thêm 200m ống nước đấu nối từ đường nước nhà Th đến đất rừng nhà Th. Khi đặt vấn đề, H1 không nói cho Th biết mục đích nối thêm đường nước đến thửa đất rừng nhà Th để kiểm kê chiếm đoạt tiền bồi thường và Th cũng không hỏi lý do. Sau nhiều lần yêu cầu kiểm kê bổ sung tài sản, ngày 30/6/2016, Nguyễn Đinh L, Phó chủ tịch HĐBT đã chỉ đạo V1 và Nguyễn Trọng Q, là thành viên tổ kiểm kê của HĐBT, xem xét kiểm kê bổ sung tài sản cho Th, yêu cầu phải phân loại rõ tài sản nào có trước thông báo thu hồi; tài sản nào có sau thông báo thu hồi để làm căn cứ bồi thường. Do đã được Th đặt vấn đề trước nên V1 không phân loại tài sản có trước, có sau thông báo thu hồi theo chỉ đạo của ông L1, vẫn kiểm đếm và ghi nhận kết quả kiểm đếm trong tờ kê 7.300 cây nhãn và 250 cây sấu. Nguyễn Trọng Q hoàn toàn không biết gì

về sự thỏa thuận giữa V1 với Th và cũng không xác định được số cây nhãn, cây sấu được trồng trước hay sau khi có thông báo thu hồi đất, không hưởng lợi gì.

Ngày 01/7/2016, Lê Thị Thanh V1 và Trần Huy Q tiếp tục kiểm kê đường nước và tự thống nhất ghi số liệu kiểm kê đường nước nhà Th là 6250m. Sau đó, đưa biên bản để Nguyễn Ngọc Q1 và Lại Hữu T1 ký xác nhận. Sau khi đã được kiểm kê bổ sung số cây nhãn và cây sấu, nhưng lâu không thấy được duyệt phương án bồi thường, Th đã nhờ H1 tác động để nhanh được bồi thường và hứa cho 1000 cây nhãn. H1 đã trao đổi, đặt vấn đề nhờ S tạo điều kiện phê duyệt sớm phương án cho Th và nói lại Th hứa sẽ chi 1000 cây nhãn, nếu phương án sớm được duyệt. Phương án bồi thường đối với hộ Nguyễn Thị Th, sau đó được Trần Huy Q, với vai trò Tổ phó ký niêm yết công khai theo quy định. Ngày 01/8/2016, UBND huyện Tam Đ2 có Quyết định số 660, phê duyệt phương án bồi thường tài sản cây cối và ống nước của Nguyễn Thị Th có tổng trị giá 996.929.000 đồng, (trong đó ống nước là 241.875.000 đồng; cây là 755.054.000 đồng), Th đã nhận đủ số tiền bồi thường trên. Sau khi Th nhận tiền bồi thường, H1 trực tiếp đến lấy 100.000.000 đồng, gọi điện cho S đến nhà và đưa S 60.000.000 đồng, giữ lại 40.000.000 đồng. Ngày hôm sau, do bị V1 phát hiện và sợ bị lộ, H1 gọi điện thông báo tình hình để S biết và cả hai thống nhất trả lại Th số tiền trên; S đã gọi điện cho vợ đưa lại cho H1 60.000.000 đồng tại chợ Quang Hà; H1 đã cầm đủ 100.000.000 đồng trả lại cho Th.

Toàn bộ số tiền 996.929.000 đồng, Th hưởng lợi 831.929.000 đồng; chia cho V1 100.000.000 đồng; Q 50.000.000 đồng, trả tiền vật liệu và công lắp đặt cho Th 15.000.000 đồng. Kết quả điều tra, chứng minh được Th không được trao đổi, bàn bạc; không biết về mục đích của H1 và các đồng phạm khác, số tiền 15.000.000 đồng là H1 trả công lắp đặt và tiền vật liệu; vụ việc bị phát hiện, Th đã tự giác nộp lại số tiền trên để khắc phục hậu quả.

Như vậy, đủ cơ sở xác định: Trần Minh Ng, Nguyễn Thị Th và Vũ Ngọc Th biết được bảng áp giá bồi thường cho một cây nhãn là 100.000đ/01 cây cao hơn rất nhiều so với chi phí thực tế. Vì mục đích tư lợi cá nhân, sau khi đã được kiểm kê toàn bộ tài sản cây cối trên đất bị thu hồi và có phương án bồi thường. Tuy nhiên, Trần Minh Ng, Nguyễn Thị Th, Vũ Ngọc Th vẫn cố ý, gian dối bằng cách trồng mới cây nhãn, cây sấu với số lượng lớn và dải thêm ống nước lên thửa đất thu hồi của mình. Sau đó, được sự thống nhất cùng giúp sức của cán bộ tổ kiểm kê của HĐBT là Trần Huy Q, Lê Thị Thanh V1, Mai Văn H1 và Nguyễn Hồng S để được kiểm kê bổ sung; hợp thức thủ tục, xác nhận là tài sản có trước thông báo thu hồi đất để được bồi thường chiếm đoạt tiền của Nhà nước 1.982.140.000 đồng.

Tại Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Đ2 điều chỉnh lại giá cây theo phương án bồi thường đã được phê duyệt. Theo danh sách ban hành kèm theo Quyết định 967/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Tam Đ2 thì hộ gia đình Nguyễn Thị Th phải nộp lại số tiền 365.000.000 đồng; hộ gia đình Trần Minh Ng phải nộp lại số tiền 337.600.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2017/HSST ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quyết định:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 07 (bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 01/3/2017 đến ngày 04/8/2017.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Lê Thị Thanh V1 07 (bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Trần Minh Ng 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 04/01/2017 đến ngày 21/01/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/11/2017, bị cáo Nguyễn Thị Th có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt;

Ngày 01/12/2017, bị cáo Lê Thị Thanh V1 có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt;

Ngày 04/12/2017, bị cáo Trần Minh Ng có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Thị Th, Trần Minh Ng, Lê Thị Thanh V1 giữ nguyên kháng cáo, các bị cáo không xuất trình thêm tài liệu mới, đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2017/HSST ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân

tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 07 năm tù; bị cáo Lê Thị Thanh V1 07 năm tù; bị cáo Trần Minh Ng 03 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo có kháng cáo xin giảm hình phạt.

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; tại phiên tòa các bị cáo Ng, Th không xuất trình tài liệu mới xin giảm hình phạt; bị cáo V1 trình bày mới xin con nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

* Luật sư Hà Trọng Th1 bào chữa cho bị cáo Th và bị cáo V1: Các bị cáo Th, V1 bị truy tố theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự và xử phạt mỗi bị cáo 07 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng: Hành vi của bị cáo Th là trồng thêm cây và đường ống nước sau khi có quyết định bồi thường giải phóng mặt bằng; bị cáo Th thu lợi bất chính số tiền 466.929.000 đồng; bị cáo V1 là cán bộ thu lợi bất chính số tiền 631.929.000 đồng. Hành vi trồng mới cây nhãn, sấu, tạo lập đường ống nước để chiếm đoạt số tiền tiền lớn là hành vi trái pháp luật, nguy hiểm cho xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo Th, V1 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội. Tuy nhiêm hình phạt 07 năm tù là nặng bởi các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, khắc phục toàn bộ hậu quả, có nhân thân tốt; gia đình bị cáo Th có bố đẻ là liệt sỹ; bị cáo V1 mới sinh con nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Th, Vận; giảm hình phạt cho bị cáo Th, V1 và cho bị cáo V1 được hưởng án treo vì bị cáo V1 đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị Th, Trần Minh Ng, Lê Thị Thanh V1, đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người đại diện nguyên đơn dân sự, lời khai của người liên quan, lời khai của người làm chứng, các biên bản khám nghiệm hiện trường; các tài liệu, kết luận của cơ quan chuyên môn và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để xác định: Lợi dụng thiếu sót trong việc áp giá bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, phục vụ Dự án xây dựng khu Trung tâm

văn hóa lễ hội Tây Thiên, xã Đại Đ1, huyện Tam Đ2. Các bị cáo Nguyễn Thị Th, Trần Minh Ng và Vũ Ngọc Th là những hộ có đất bị thu hồi trong Dự án trên. Mặc dù đã được kiểm kê, lên phương án bồi thường đối với tài sản, cây cối trên diện tích đất bị thu hồi. Tuy nhiên, xuất phát từ động cơ, mục đích tư lợi cá nhân, Th, Ng, Th đã trao đổi và được sự thống nhất cùng tham gia thực hiện hoặc giúp sức của cán bộ tổ kiểm kê HĐBT là Trần Huy Q, Lê Thị Thanh V1, Nguyễn Hồng S, Mai Văn H1 đã cố ý tạo lập trái phép bằng việc trồng mới một số lượng lớn cây nhãn, sấu; lắp đặt tạo lập thêm đường nước, yêu cầu kiểm kê bổ sung để được bồi thường, chiếm đoạt từ ngân sách Nhà nước số tiền 1.279.140.000 đồng. (cụ thể: Hộ gia đình Nguyễn Thị Th được bồi thường trái phép gây thiệt hại ngân sách số tiền 631.929.000 đồng; hộ gia đình Vũ Ngọc Th được bồi thường trái phép gây thiệt hại số tiền 193.000.000 đồng; hộ gia đình Trần Minh Ng được bồi thường trái phép số tiền 454.111.000 đồng)

[2] Hành vi gian dối cố ý tạo lập trái phép tài sản bằng việc trồng thêm cây mới, lắp đặt thêm đường ống nước sau khi đã được lên phương án bồi thường yêu cầu kiểm kê bổ sung để được bồi thường nhằm mục đích chiếm đoạt tiền từ ngân sách Nhà nước như nêu trên do các bị cáo Nguyễn Thị Th, Lê Thị Thanh V1 đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Trần Minh Ng đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 như bản án hình sự sơ thẩm quy kết là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Các bị cáo lợi dụng thiếu sót trong việc áp giá bồi thường, khi Nhà nước thu hồi đất, phục vụ Dự án xây dựng khu Trung tâm văn hóa lễ hội Tây Thiên đã cấu kết với nhau tạo lập trái phép tài sản chiếm đoạt tiền từ ngân sách Nhà nước. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình, làm giảm niền tin của nhân dân đối với các cơ quan hành chính nhà nước, nên cần xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng, phòng ngừa tội phạm nói chung và Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm và hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo; xem xét đến vai trò, vị trí của từng bị cáo trong vụ án là có căn cứ.

[4] Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo và áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 giảm hình phạt và xử các bị cáo ở mức khởi điểm của

khung hình phạt lền kề là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết mới để xem xét và thấy mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất hành vi hậu quả của vụ án nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các bị cáo Nguyễn Thị Th, Trần Minh Ng, Lê Thị Thanh V1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 66/2017/HSST ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Th, Trần Minh Ng, Lê Thị Thanh V1, phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 07 (bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 01/3/2017 đến ngày 04/8/2017.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Lê Thị Thanh V1 07 (bảy) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Trần Minh Ng 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 04/01/2017 đến ngày 21/01/2017.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Thị Th, Trần Minh Ng, Lê Thị Thanh V1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Vụ I- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS, PHC-TP.

Ngô Tự Học